

Hồ Sĩ Dương

Vị Tể tướng tài cao, đức cả

■ Hồ Sĩ Hù

1. Hồ Sĩ Dương 胡士揚 (1622-1681) ban đầu có tên là Á Ngọc, là con trai thứ hai của cụ Sinh đồ Hồ Hoàng (1586-1648) và bà Hoàng Thị Tám (?-1656). Hai ông bà đều là người làng Hoàn Hậu, nay thuộc xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu. Thuở bé, ông rất thông minh, chăm chỉ. 15 tuổi đã học hết chữ của các thầy đồ trong vùng, Á Ngọc theo cha tìm vào làng Yên Lạc, tổng Quán Triều, huyện Đông Thành (nay thuộc huyện Yên Thành) theo học thầy Mạc Phúc Thanh từ Bắc vào. 18 tuổi, đổi tên là Khả Trí, dự khảo hạch ở huyện đỗ đầu, thi Hương đỗ Sinh đồ. Năm 23 tuổi (1645), đỗ Giải nguyên trường Nghệ An, năm sau thi Hội trúng Tam trường. Vì có đại tang (cha mất năm 1648), ông không thể dự thi Hội khóa tiếp. Lại do sinh kế nên ông ra dạy học ở Quảng Xương, Thanh Hóa, rồi lấy họ tên giả là Trần Độ thi Hương ở trấn này và lại đỗ Giải nguyên. Việc bị phát giác, bị cách tuột học vị Giải nguyên cả hai trường và phải sung lính 3 năm. Nhờ có công lao nên được giải ngũ trước thời hạn. Đến năm 1651, với tên mới là Sĩ Dương, ông lại đỗ Giải nguyên trường Nghệ An, nhưng do có tiền án nên bị giáng xuống Á nguyên. Năm sau thi Hội, thi Đình, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân. Tiếp đó, năm 1659, ông lại đỗ thứ 2 khoa Đông các - khoa thi đặc biệt chọn người có tài văn học bổ sung vào Đông các viện. Ân điển vua ban cho những người đỗ khoa này giống như ân điển ban cho các vị Tam khôi, do đó học vị Hồ Sĩ Dương có sách cũng ghi là Bảng nhãn. Theo cụ Phan Hữu Thịnh - tác giả sách *Bảng nhãn, Tham tụng Duệ Quận công Hồ Sĩ Dương* (khảo cứu và chú giải, 2004) chưa xuất bản, trong chuyến đi sứ Trung Hoa (1673-1675), Hồ Sĩ Dương còn đậu

khoa Đông các ở “Thiên triều” và sách này còn nói ở nước ta chỉ có Lương quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi và Lương quốc Đông các Hồ Sĩ Dương. Thật ra thì còn một số vị khác cũng được “Thiên triều” phong như thế, chẳng hạn ngay xứ Nghệ còn có Phan Kính (1715-1761) đã được vua Càn Long nhà Thanh gia phong cho ông là “Lương quốc đình nguyên Thám hoa”, còn ban tặng ông một cái áo cẩm bào vương triều, một bức trướng có ghi dòng chữ: “*Thiên triều đặc tứ, Bắc Đẩu dị nam, Nhất nhân nhi dĩ*” (thiên triều đặc cách, phía Nam Bắc Đẩu, chỉ một người thôi) (Theo báo *Tiền phong*, Nguồn: <https://www.tienphong.vn/giao-duc/chuyen-doi-danh-tuong-duoc-phong-tham-hoa-hai-nuoc-1163109.tpo>). Tuy vậy, cụ Thịnh có lý khi cho rằng Mạc Đĩnh Chi đi sứ buổi đầu thời nhà Nguyên và Hồ Sĩ Dương đi sứ buổi đầu thời nhà Thanh, đây là 2 triều đại do hai tộc ít người lập ra (người Mông Cổ lập ra triều Nguyên và người Mãn - cũng tức là người Nữ - chân lập ra triều Thanh), vì tư tưởng Đại Hán chưa mạnh nên “vô ý” để cho người Nam Man giành mất học vị khôi nguyên!

2. Nếu chặng đường thi cử không thật suôn sẻ, thì bước hoạn lộ của Hồ Sĩ Dương lại rất hanh thông. Theo các bộ chính sử *Đại Việt sử ký bản kỷ thực lục* 大

XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

越史記本紀實錄 (Nxb Khoa học xã hội, H.1973), *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* 大越史記本紀續編 (Nxb Khoa học xã hội, H.1982, Tập 1) và gia phả họ Hồ do nhà giáo Hồ Sĩ Yên - hậu duệ đời thứ 9 của Hồ Sĩ Dương lưu giữ thì vào năm 1652, sau khi đỗ đại khoa, Hồ Sĩ Dương được bổ làm Lại khoa cấp sự trung. Năm 1656, mẹ mất, ông về cư tang 3 năm. Năm 1659, sau khi đỗ thứ 2 khoa Đông các, ông được bổ Đô cấp sự trung nhập Đông các học sĩ. Năm 1662, được thăng Bồi tụng (như Phó Tể tướng). Tháng 2/1663, được bổ Đông các Đại học sĩ, tước Nhuận Duệ tử. Tháng 12/1665, được thăng Hữu thị lang bộ Binh, tước Nhuận Duệ bá. Tháng 8/1669, chuyển sang làm Hữu thị lang bộ Lại. Tháng 6/1670, được thăng tước Nhuận Duệ hầu. Từ năm 1673-1675, làm Chánh sứ sang Trung Quốc. Tháng 3/1675 về nước, nhờ có công trạng, được thăng Thượng thư bộ Công, tước Duệ quận công. Từ tháng 7/1676, kiêm trông coi việc biên soạn quốc sử, đến tháng 9 năm đó lại được thăng chức Tham tụng (Tể tướng). Năm 1681, ông được triều đình cho về quê trí sĩ. Như vậy, từ khi xuất chính với chức Cấp sự trung cho đến lúc về hưu với chức

Thượng thư Tham tụng, ông đã làm quan ở kinh đô trải 4 triều vua: Lê Thần Tông (1649-1662), Lê Huyền Tông (1662-1671), Lê Gia Tông (1671-1675), Lê Hy Tông (1675-1705); 2 đời chúa: Thanh Đô Vương Trịnh Tráng (1623-1657), Tây Đô Vương Trịnh Tạc (1658-1682) và thăng tiến rất nhanh. Đó là điều hiếm có trong xã hội phong kiến xưa!

3. Nhưng hậu thế biết đến Hồ Sĩ Dương không phải vì ông là một vị đại quan thành đạt, mà trước hết chủ yếu vì ông là một trí thức tài cao, đức cả. Suốt cuộc đời lao động và cống hiến không ngừng nghỉ, Hồ Sĩ Dương đã có nhiều đóng góp cho quê hương, đất nước trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, ngoại giao... Hồ Sĩ Dương được thăng tiến nhanh vì có thực tài. Trong khoảng từ 1660-1670, ông từng giữ chức Đốc thị trong 2 lần Nam chinh (vào các năm 1660, 1662) đánh chúa Nguyễn; 2 lần Bắc chiến (vào các năm 1666, 1670) đánh họ Mạc. Theo Phan Huy Chú (phần *Quan chức chí* 官職誌 trong *Lịch triều hiến chương loại chí* 歷朝憲章類誌), đốc thị 督視 là chức quan dự coi việc biên cương buổi đầu triều Lê Trung Hưng, dùng quan tam phẩm, tứ phẩm. Với chức vụ này, ông đã hiến kế hay, chẳng hạn cho người xúi quân chúa Nguyễn đào ngũ hàng loạt vào năm 1660. Trong lần đi sứ vào năm 1673, Trung Quốc có loạn Tam phiên. Ông đã hiến kế ly gián cho vua Khang Hy ⁽¹⁾, nhờ đó lôi kéo được Thượng Chí Tín và Cảnh Thịnh Trung về hàng triều đình để tập trung lực lượng đánh thắng Ngô Tam Quế. Ông được vua Khang Hy tặng



Lễ dâng hương tại đền thờ Hồ Sĩ Dương

đanh hiệu “Hồ sinh Phật” 胡生佛 (Phật sống họ Hồ).

Tháng 3/1675, đoàn sứ thần về nước “*Xét công đi sứ, lấy Nguyễn Mậu Tài làm Thượng thư bộ Hình, tước tử, lấy Hồ Sĩ Dương làm Thượng thư bộ Công, tước Quận công*”⁽²⁾. Cũng nhờ có tài ngoại giao, từ năm 1662-1669, nhiều lần ông được phái lên cửa quan đón tiếp sứ thần phương Bắc và điều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Sứ chép: “*Tháng 12/1665 cho Hữu Thị lang bộ Binh Nhuận Duệ tử Hồ Sĩ Dương tước bá vì nhiều lần đi lên cửa quan đợi mệnh tiếp sứ thần được việc*”⁽³⁾... “*Tháng 12 (nhuận)/1669 cho Hồ Sĩ Dương tước hầu... vì có làm hậu mệnh đón tiếp sứ thần có công*”⁽⁴⁾. Hồ Sĩ Dương lại có nhiều đóng góp tích cực cho quê hương. Tộc phả gia tộc Hồ Sĩ Dương và văn bia tại miếu thờ do TS Văn Đức Giai (1807-1864) soạn năm Giáp Dần (1854) cho biết, ông đã cúng cho làng ruộng binh điền 24 mẫu ở xứ Đập Gậy, Đập Giữa, Phần Xôi; cúng ruộng học điền 40 mẫu ở xứ Bờ Re, Đập Bút. Người làng khi lên lão 60, 70, 80 tuổi..., hàng năm đến 25/12 âm lịch đều được ông cấp cho một đấu thóc, 3 quan tiền. Con cháu nội ngoại khi thành hôn, con trai được cấp 3 đấu thóc, 3 quan tiền; con gái được cấp 7 đấu thóc, 7 quan tiền; con trai lấy vợ lần thứ 2 được cấp nửa suất... Ông còn lo việc đắp đập, xây công, cải tạo đồng ruộng, sửa chữa chùa Quỳnh Thiện (gần chợ Nồi cũ) cho làng. Ngoài ra, ông còn đem của cải, ruộng đất triều đình ban tặng chiêu tập dân phiêu tán tạo lập nên 5 thôn mới trong huyện là: Như Bá (nay thuộc xã Quỳnh Bá), Tiên Đội (nay thuộc xã Quỳnh Hoa), Mỹ Hòa (nay thuộc xã Quỳnh Mỹ), Thọ Vực (nay thuộc xã Quỳnh Thọ), Bảo Yên (nay thuộc vùng Hoàng Mai). Các thôn này đều thờ ông là Thành hoàng. Trừ thôn Bảo Yên ở xa, 4 thôn kia cứ 12 năm lại tổ chức lễ rước kiệu đến cúng tế ông ở từ miếu chính tại làng Quỳnh.

4. Hồ Sĩ Dương còn là một học giả nổi tiếng. Theo Song Nguyệt trong sách *Tác gia Quỳnh Đồi* (Nxb Văn hóa Thông tin, H.1998), Hồ Sĩ Dương là tác giả các tác phẩm sau: *Trùng san Lam Sơn thực lục, Hoan Châu phong thổ ký, Hồ Thượng thư gia lễ, Hồ tộc phổ ký, Đại Việt Lê triều đế vương Trung hưng công nghiệp thực lục, Hùng Vương sự tích ngọc phá cổ truyền, Thục An Dương Vương sự tích, Trưng Vương công thần phả lục, Thiên Nam ngữ*

lục, Trinh tiết phu tử muội bi ký (văn bia ở xã Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh), *Khuông lộc hầu bi ký* (văn bia ở xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân), *Tam tòa đại vương miếu bi ký* (văn bia ở làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân). Ông còn tham gia biên soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* (từ quyển 11 đến quyển 15), hiệu đính bộ *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* và nhuận chính *Nam giao điện bi ký*. Đáng tiếc, hầu hết tác phẩm của ông đã thất truyền. Trên báo *Nhân Dân* cuối tuần ra ngày 22/2/1998, PGS Phan Văn Các cho biết: “*Thư viện Quốc hội Nhật đang còn lưu giữ cuốn Lê triều đế vương Trung hưng công nghiệp thực lục (3 tập chép tay) 黎朝帝王中興功業實錄 của Hồ Sĩ Dương nhưng ta chưa sao chép đưa về nước được. Trong lúc đó, cuốn Hồ Thượng thư gia lễ 胡尚書家禮 hiện nay còn bản chép tay 246 trang ở nhà ông Hồ Sĩ Yên - hậu duệ của Hồ Sĩ Dương - thì được GS.TS Nhật Bản Miclo Suênar chụp ảnh từng trang đem về Nhật từ ngày 28/8/1994*”. Trên Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 5 (264) tháng 9-10/1992, PGS TS Trần Bá Chí (1930-2013) viết: “*Ngoài việc giúp nước về mặt chính trị, Hồ Sĩ Dương còn quan tâm đến thuần phong mỹ tục của xã hội nước ta. Ông bước đầu soạn thảo sách Hồ Thượng thư gia lễ cho sát với tình hình kinh tế và tập tục Việt Nam, cải cách những sự mô phỏng Tàu quá nhiều, đề cao đạo hiếu, lấy đạo hiếu và gia đình làm gốc cho xã hội. Đến đời cháu ông là TS Hồ Sĩ Tân thì cuốn sách đó thực sự hoàn chỉnh và được phổ biến khắp trong nước ta*” (tức cuốn sách *Thọ Mai gia lễ 壽梅家禮*, đến nay vẫn còn là cẩm nang cho các thầy cúng - HSH chú). Hồ Sĩ Dương là một sử gia có quan điểm đúng đắn. Đề tựa sách *Lê triều đế vương Trung hưng công nghiệp thực lục 黎朝帝王中興功業實錄* ông viết: “*Sách Thực lục này vốn không phải suy đoán mà nói, đặt lời văn hoa thêm bớt, mà chỉ căn cứ vào sự thực chép thẳng ra. Nếu việc có tính cách tiếm lấn thì chê một chữ đau hơn búa rìu, việc có tính cách tôn phù chính thống thì khen một lời*



Nhà thờ Hồ Sĩ Dương (Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An)

vinh hơn hoa cỏn...”⁽⁵⁾. Gần đây cụ Phan Hữu Thịnh tác giả sách *Bảng nhãn, Tham tụng Duệ Quận công Hồ Sĩ Dương* đã dẫn ở trên đã sưu tầm được 3 tác phẩm: *Ký thiếu nữ* 記少女 (có bản phiên âm, dịch nghĩa của Hồ Sĩ Quý và bản dịch thơ); *Trùng san Lam Sơn thực lục tự* 重刊藍山寔錄序 (có bản phiên âm, dịch nghĩa); *Nam giao điện bi ký* 南郊殿碑記 (Nguyễn Tiên Triều thảo, Hồ Sĩ Dương nhuận chính), riêng bản này đã được in lại cả nguyên Hán văn và bản dịch trong *Tuyển tập văn bia Hà Nội* quyển 2, Nxb Khoa học xã hội, H.1978).

5. Đương thời, tên tuổi Hồ Sĩ Dương đã vượt ra ngoài biên giới. Chu Xán - sứ thần nhà Thanh sang nước ta năm 1683 - hai năm sau khi Hồ Sĩ Dương mất, có tập thơ *Sứ Giao ngâm*, trong các bài thơ có chú rằng: “*Nhân vật nước này, về phần lý học* (chỉ học thuật của các học giả đời Tống, cốt giải thích kinh truyện - HSH chú) *có Trình Tuyên, Vũ Cảo, Nguyễn Đăng Cảo, Hồ Sĩ Dương, về phần kinh tế* (viết tắt từ kinh bang tế thế 經邦濟世 tức trị nước cứu đời - HSH chú) *có Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi và Lương Thế Vinh, còn về phần văn học có khá nhiều*”⁽⁶⁾. Trong điện thờ ông ở làng Quỳnh Đôi có bức đại tự *Thái Sơn Bắc Đẩu* 泰山北斗 treo chính giữa điện tượng truyền do vua Lê ban tặng, trong đó Thái Sơn là trái núi người xưa cho là cao nhất, Bắc Đẩu là vì sao người xưa cho là to nhất, nên người tài cao, đức cả được

thiên hạ cảnh ngưỡng thường ví với Thái Sơn, Bắc Đẩu. Ngoài ra còn có 3 đôi câu đối. Xin dẫn một đôi tiêu biểu: *Bát trụ kinh thiên Đường bệ xạ/ Vạn gia xác Phật Tống bình chương* 八柱擎天唐僕射 / 萬家懋佛宋平章. Theo bản dịch cuốn *Quỳnh Đôi cổ kim sự tích hương biên* 瓊堆古今事跡鄉編 của Tú tài Hồ Phi Hội (1802-1875): *Tám cột ngất trời Đường tướng trước/ Muôn nhà thờ Phật Tống thân xưa*. Xin chú thêm: Tham khảo cuốn sách do Thanh Thạch 靑石 biên soạn: *Thú vị văn hóa tri thức đại toàn* 趣味文化知识大全 Trung Quốc Hoa kiều xuất bản xã, 2013 (Trung văn). Theo sách này thì vua Đường Huyền Tông (712-756) lập ra Đổng trung thư môn hạ bình chương sự (同中書門下平章事), gọi tắt là Đổng bình chương sự (同平章事), là hàm gia tặng chức Tể tướng... (*Bình chương sự*: nghĩa là xếp đặt cho tốt đẹp, chỉ chức Tể tướng. *Đổng bình chương sự*: nghĩa là ngang chức Tể tướng). Đến niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) thời Tống Thần Tông, lại cải cách chế độ, cho 2 người đảm nhận công việc của Tể tướng, với chức danh của quan đứng đầu là *Thượng thư tả bệ xạ kiêm môn hạ thị lang* (尚書左仆射兼門下侍郎), phó là *Thượng thư hữu bệ xạ kiêm*

trung thư thị lang (尚书右仆射兼中書侍郎). Cụ Phan Hữu Thịnh - tác giả *Quỳnh Đồi - Làng văn hóa, xã anh hùng* (Nxb Đại học Vinh, 2014) và sách *Bảng nhân, Tham tụng Duệ Quận công Hồ Sĩ Dương khảo cứu và chú giải* đã dẫn ở trên, phỏng đoán trong đôi câu đối trên Tể tướng Hồ Sĩ Dương được ví với 1 vị Tể tướng đời Đường (Đường Bộc xạ) là Trương Cửu Linh (687-740) hoặc Quách Tử Nghi (697-781); và với 1 vị Tể tướng đời Tống (Tống Bình chương) là Vương An Thạch (1021-1086).

6. Hồ Sĩ Dương có 4 người vợ, nhưng nói đến sự nghiệp của ông, dân làng thường nhắc đến bà mẹ và người vợ cả, hai người phụ nữ có công lớn giúp ông thành đạt. Tương truyền gia cảnh Hồ Sĩ Dương rất nghèo, cha mất sớm, ruộng vườn không có nên mẹ ông phải làm thuê, bán nước ở chợ Nôi, tần tảo nuôi con. Vào các phiên chợ, buổi sáng ông xách ấm nước đi bán rong, buổi chiều gánh nước đổ đầy thùng, tối lại đu đưa trên võng gon, hát nghêu ngao: *Ngày thời việc nước đăm đàng/ Tối thời võng giá nghênh ngang đình Nôi*, hay: *Bây giờ đi nước mỗi vai/ Mai sau đi hán đi hài mỗi chân*.

Có một câu chuyện rất thú vị về mẹ ông. Lúc ông đậu tiến sĩ, bà đang cấy ngoài ruộng xa, có người chạy ra báo tin mừng với bà và mời bà về. Bà vẫn tiếp tục cấy cho

hết buổi và nói với người báo tin: “*Con đậu tiến sĩ nhưng mẹ không làm, không cày cấy thì lấy com đâu mà ăn!*”.

Lúc đã vào tuổi thanh niên, lại có chuyện 3 cô con gái Trinh quận công Trương Đức Thọ ở thôn Nghĩa Lý, xã Hoàn Hậu Đông, tổng Phú Nghĩa (nay thuộc xã Quỳnh Nghĩa) ngồi võng qua làng. Bọn bè đánh cuộc, chàng học trò nghèo Hồ Sĩ Dương liều ra xin trâu, hai cô chị không cho, riêng cô út là Trương Thị Thành dùng cáng vui vẻ tặng ông cả hộp trâu và không rõ họ nói với nhau những gì mà chỉ ít lâu sau mẹ ông đủ can đảm sắm lễ xuống Phú Nghĩa xin dâu... Quan quận bất bình cho là phạm lễ giáo vì không môn đăng hộ đối, đuổi con gái về Hoàn Hậu và ra hạn khi nào ông Dương làm nên sự nghiệp thì trả chiếu hoa từ Hoàn Hậu về tận ngõ mới nhận làm con rể.

Được vợ nhưng ôm nỗi nhục, ông quyết chí học tập, sau thành đạt, thực hiện được lời của cha vợ - trả chiếu hoa từ làng mình đến tận ngõ nhà nhạc phụ. Còn bà Trương Thị Thành đã xuất tiền nuôi ông ăn học, chăm chỉ lao động, kính trọng mẹ chồng, ăn ở tốt với bà con. Lúc ông trở thành quan to, bà khuyên đem ruộng cúng cho làng, đem tiền gạo cứu tế cho dân nghèo, bà còn lấy thợ ở làng Phú Nghĩa thuê bà lên lập xưởng mộc ở đập Vũ Sĩ, đóng giường và quan tài bán cho dân làng, những người quá túng thiếu thì được cấp. Bà thật sự xứng đáng là chính thất của vị Tể tướng tài cao, đức cả Hồ Sĩ Dương mãi mãi được người đời ngưỡng mộ./

Chú thích:

(1) Khang Hy tức vua Thanh Thánh Tổ (清聖祖), là vị Hoàng đế thứ tư nhà Thanh, ở ngôi từ năm 1662 đến khi qua đời vào năm 1722, tổng cộng là 60 năm, được đánh giá là một trong những vị Hoàng đế vĩ đại nhất trong lịch sử Trung Quốc.

(2), (3), (4) Quốc sử quán triều Lê, *Đại Việt sử ký bản kỷ thực lục*, Nxb Khoa học xã hội, H.1973, các tr.334, 307, 318...

(5) Dẫn theo Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập 1, Nxb Văn hóa, H. 1984, tr.128.

(6) *Lê Quý Đôn Toàn tập*, Tập 2, *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Khoa học xã hội, H.1997, tr.284.